

Số: 16/2022/QĐCNTTLH

P, ngày 27 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN**

Căn cứ các điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ các Điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn của những người yêu cầu
chị Nguyễn Thị M và anh Trần Quang T.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn yêu cầu đề ngày 04 tháng 7 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận
tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn của những người yêu cầu chị Nguyễn
Thị M và anh Trần Quang T.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 11 tháng 7 năm 2022 về thuận tình
ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

- Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1992;

Đăng ký HKTT: Thôn Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh H;

Địa chỉ hiện nay: Thôn D, xã Đ, huyện P, tỉnh H;

- Anh Trần Quang T, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh H.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên
chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản
2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được
ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 11 tháng 7 năm 2022 có đủ các
điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải
được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 11 tháng 7 năm 2022, cụ
thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Trần Quang T thỏa thuận nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Trần Quang T đều xác nhận, anh chị có 01 con chung là cháu Trần Linh Đ, sinh ngày 27/01/2019. Ly hôn, chị M và anh T thỏa thuận thống nhất giao cháu Trần Linh Đ cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi; chị M và anh T thỏa thuận anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Đ hàng tháng là 2000.000đ/tháng (hai triệu đồng), thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 08/2022 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh Trần Quang T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị M có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con đến khi thi hành án xong, nếu anh T không thi hành theo thỏa thuận thì phải trả lãi đối với số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Chị Nguyễn Thị M và anh Trần Quang T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND huyện P;
- THADS huyện P;
- UBND xã Đ;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

Bùi Mạnh Q